

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(thông tin, số liệu thống kê tính đến ngày 01/5/2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHNT ngày 28/11/2024 về việc ban hành Quy định công khai trong hoạt động của Trường Đại học Nha Trang. Trường Đại học Nha Trang báo cáo công khai trong hoạt động năm 2024, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Nha Trang.
- Tên tiếng Anh: Nha Trang University (viết tắt: NTU).

1.2. Địa chỉ

- Trụ sở: Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: (+84 258) 3 831149; Số fax: (+84 258) 3 831147.
- Email: dhnt@ntu.edu.vn.
- Website: www.ntu.edu.vn.

1.3. Loại hình: Công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, mục tiêu, chiến lược

1.4.1. Sứ mệnh

Nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

1.4.2. Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Đoàn kết - Hội nhập - Năng động - Trách nhiệm

1.4.3. Triết lý giáo dục

Phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng.

1.4.4. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045 là đại học có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các đại học ở Châu Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản.

1.4.5. Viễn cảnh năm 2045

Quản trị - tổ chức: Là đại học gồm các viện, trường thành viên, trung tâm nghiên

cứu và chuyển giao tri thức; có cơ cấu quản trị minh bạch và tinh gọn, tự chủ hoàn toàn; kiểm định và cải tiến liên tục theo các chuẩn mực quốc tế là cơ chế hoạt động chủ đạo trong quản trị Nhà trường.

Đội ngũ: Đội ngũ có trình độ cao, sáng tạo, năng lực hội nhập, chuyên nghiệp, trách nhiệm và tâm huyết với công việc.

Đào tạo và hoạt động chuyên môn: Là nơi trao quyền tự do học thuật, có môi trường học thuật, tích cực, sáng tạo tri thức mới; đào tạo nhân lực có năng lực sáng tạo, khởi nghiệp, hội nhập, tự học tập và nghiên cứu suốt đời.

Nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng: Xuất bản quốc tế, bản quyền sáng chế, chuyển giao tri thức và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có hàm lượng khoa học cao là động lực của sự phát triển, nổi bật về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản; hoạt động hợp tác quốc tế sâu, rộng và hiệu quả; có trách nhiệm cao đối với cộng đồng và đóng góp cho sự thịnh vượng chung của địa phương, quốc gia và khu vực.

Thương hiệu và danh tiếng: Đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học và cán bộ viên chức; đáp ứng tốt các chuẩn nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao tri thức ở tầm quốc gia, khu vực và quốc tế.

Tài chính, cơ sở vật chất và cảnh quan: Tự chủ bền vững về tài chính; cơ sở vật chất hiện đại và đồng bộ với một hệ sinh thái mở dựa trên nền tảng số, không gian xanh.

1.4.6. Mục tiêu phát triển đến năm 2025

Trường Đại học Nha Trang là trường đại học đa lĩnh vực, nằm trong nhóm các trường dẫn đầu về lĩnh vực thủy sản của Việt Nam.

1.4.7. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

Trường Đại học Nha Trang trở thành đại học đa lĩnh vực; thuộc nhóm đầu các đại học ở khu vực Đông Nam Á về một số ngành khoa học-công nghệ biển và thủy sản.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Trường Đại học Nha Trang là Khoa Thủy sản, thuộc Học viện Nông Lâm Hà Nội, được thành lập vào ngày 01/8/1959, sau đó được tách ra và lấy tên là Trường Thủy sản vào ngày 16/8/1966. Năm 1976, Trường chuyển từ TP. Hải Phòng và TP. Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) và lần lượt đổi tên thành Trường ĐH Hải sản (năm 1977) và Trường Đại học Thủy sản (năm 1980). Theo Quyết định số 172/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, kể từ ngày 25/7/2006, Trường chính thức mang tên “Trường Đại học Nha Trang”.

Tọa lạc trên ngọn đồi Lasan phía Đông Bắc thành phố biển Nha Trang, với 2 mặt giáp biển, Trường Đại học Nha Trang là một trong những trường đại học có cảnh quan đẹp nhất Việt Nam. Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, đến nay, Trường Đại học Nha Trang đã trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp học có uy tín, với nền tảng, thế mạnh là lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản. Với vị thế là đơn vị đào tạo hàng đầu về khoa học nghề cá và nuôi trồng thủy sản ở cấp quốc gia, Trường Đại học

Nha Trang tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế biển Việt Nam, góp phần cung cấp nguồn nhân lực cần thiết đáp ứng quá trình hội nhập tất yếu của quốc gia.

Với 18 khoa, viện, trung tâm thuộc khối đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ và 16 phòng, trung tâm thuộc khối quản lý, tham mưu, phục vụ. Trường ĐH Nha Trang hiện có khoảng 15.000 sinh viên theo học, đến từ mọi miền đất nước và nhiều quốc gia trên thế giới. Trường ĐH Nha Trang đã ba lần được công nhận đạt chuẩn kiểm định quốc gia. Lần thứ nhất, năm 2009, Trường ĐH Nha Trang là một trong 20 trường đại học đầu tiên của cả nước được Hội đồng Quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Lần thứ 2, Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (ĐH Quốc gia TP.HCM) công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục vào ngày 31/1/2018. Lần thứ 3 vào năm 2023, Trường được Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục (ĐH Quốc gia TP.HCM) công nhận. Ngày 15/7/2024 vừa qua, Viện Đổi mới sáng tạo UPM đã công bố kết quả xếp hạng đối sánh theo Bộ tiêu chuẩn của UPM với 8 tiêu chuẩn và 52 tiêu chí. Trường Đại học Nha Trang đã đạt được kết quả tổng thể ở mức 5 sao theo định hướng đổi mới sáng tạo và ứng dụng với 763/1000 điểm. Trong đó, 4/8 lĩnh vực cùng đạt 5 sao. Theo kế hoạch đến năm 2025 toàn bộ các CTĐT Nhà trường đều hoàn thành công tác tự đánh giá và khoảng 50% các CTĐT đã được kiểm định trong nước và quốc tế.

Hiện nay, Trường ĐH Nha Trang đang đào tạo 71 ngành/chuyên ngành trình độ đại học, 15 ngành trình độ thạc sĩ và 08 ngành trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, Trường còn tham gia thực hiện nhiều chương trình đào tạo nghề, các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình hè... đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nguồn lực nhân sự cũng là một thế mạnh của Trường với trên 650 cán bộ giảng viên, trong đó có 02 Giáo sư, 32 Phó Giáo sư; hơn 180 Tiến sĩ và hơn 350 Thạc sĩ, trong đó hơn 40% cán bộ, giảng viên được đào tạo tại các nước phát triển.

Trường ĐH Nha Trang cũng đặc biệt chú trọng đến việc mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, coi đây là một trong những trọng tâm phát triển của Nhà trường. Trường đã xây dựng nhiều mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực thủy sản, Trường có mối liên hệ với hầu hết các trường, viện có ưu thế về đào tạo, nghiên cứu thủy sản trên thế giới. Từ những thành tựu gặt hái trong nhiều năm qua, Trường Đại học Nha Trang tiếp tục bước từng bước vững chắc trên con đường thực hiện sứ mệnh của mình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao của đất nước và hội nhập quốc tế.

Với những đóng góp quan trọng trong đào tạo và nghiên cứu, Trường Đại học Nha Trang đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Chính phủ như Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập, cũng như phần thưởng cao quý nhất - Huân chương Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

1.6. Thông tin người đại diện

- Họ tên: TS. Quách Hoài Nam.

- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng phụ trách.
- Địa chỉ nơi làm việc: Tòa nhà A1, số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang.
- Số điện thoại: 0258 383 1149.
- Email: namqh@ntu.edu.vn.

1.7. Tổ chức bộ máy

1.7.1. Quyết định thành lập Trường Đại học Nha Trang

- Quyết định số 172/2006/QĐ-TTg ngày 25/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

1.7.2. Hội đồng trường

- Quyết định thành lập: Quyết định số 4790/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 19 thành viên.

- Chủ tịch Hội đồng trường: TS. Khổng Trung Thắng (*Quyết định số 4791/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang nhiệm kỳ 2020-2025*).

- Danh sách thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị
1	Khổng Trung Thắng	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Nha Trang
2	Trang Sĩ Trung	Phó Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Nha Trang
3	Quách Hoài Nam	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng phụ trách, Trường Đại học Nha Trang
4	Trần Doãn Hùng	Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Nha Trang
5	Phạm Hồng Mạnh	Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thư ký Hội đồng Trường Đại học Nha Trang
6	Nghiêm Thị Hồng Vân	Phó Vụ trưởng Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Trần Đình Luân	Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và PTNT
8	Nguyễn Tấn Tuấn	Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa
9	Võ Hoàn Hải	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa
10	Vương Vĩnh Hiệp	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty TNHH Long Sinh
11	Lê Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tập đoàn Minh Phú

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị
12	Lê Chí Công	Trưởng Khoa Du lịch, Trường Đại học Nha Trang
13	Trần Trọng Đạo	Chủ tịch Công đoàn, Trưởng Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Nha Trang
14	Nguyễn Thành Cường	Trưởng Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Nha Trang
15	Võ Nguyễn Hồng Lam	Trưởng Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Nha Trang
16	Lê Việt Phương	Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Nhân sự, Trường Đại học Nha Trang
17	Vũ Hoàng Bảo Trân	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM, Trường Đại học Nha Trang
18	Nguyễn Thắng Xiêm	Trưởng Khoa Xây dựng, Trường Đại học Nha Trang
19	Huỳnh Văn Vũ	Trưởng Khoa Kỹ thuật giao thông, Trường Đại học Nha Trang

1.7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang

TT	Họ tên	Chức vụ	Số quyết định	Trạng thái làm việc
1	Quách Hoài Nam	Phó Hiệu trưởng	16/NQ-ĐHNT ngày 03/01/2022	Đang làm việc
		Phó Hiệu trưởng Phụ trách Trường	39/NQ-ĐHNT ngày 21/12/2024	
2	Trần Doãn Hùng	Phó Hiệu trưởng	15/NQ-ĐHNT ngày 03/01/2022	Đang làm việc
3	Phạm Quốc Hùng	Phó Hiệu trưởng	36/NQ-ĐHNT ngày 03/01/2022	Đang làm việc

1.7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang (ban hành theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang), cụ thể:

Mục tiêu giáo dục

- 1) Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe;
- 2) Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp;
- 3) Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp;

- 4) Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ;
- 5) Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp.

Nhiệm vụ, quyền hạn

- 1) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường;
- 2) Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và phục vụ cộng đồng;
- 3) Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo;
- 4) Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, viên chức quản lý, viên chức hành chính và người lao động;
- 5) Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;
- 6) Tự đánh giá chất lượng đào tạo và thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đại học;
- 7) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật;
- 8) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị;
- 9) Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài;
- 10) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Nhà trường có tổ chức hoạt động đào tạo theo quy định;
- 11) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường gồm có:

- 1) Hội đồng trường;
- 2) Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng;
- 3) Hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng và ban tư vấn khác;
- 4) Các đơn vị thuộc Trường gồm:
 - Phòng, văn phòng, tổ thuộc Trường (gọi chung là phòng);
 - Khoa, viện, trung tâm đào tạo;
 - Các đơn vị hỗ trợ bao gồm thư viện, các trung tâm phục vụ.
- 5) Các đơn vị trực thuộc Trường gồm:

- Viện, trung tâm nghiên cứu;
- Các cơ sở dịch vụ, cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp.

6) Trường, phân hiệu thuộc Trường Đại học Nha Trang (căn cứ nhu cầu và Chiến lược phát triển của Nhà trường, Hội đồng trường xem xét quyết định thành lập khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật);

- Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Nha Trang (ban hành kèm theo Quyết định số 500 ngày 29/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang).

1.7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên

STT	Tên viết tắt	Tên phòng ban, đơn vị	Số quyết định thành lập	Ngày ra quyết định	Trạng thái hoạt động
1	VPT	Văn phòng trường	Nghị quyết số 28/NQ-ĐHNT	28/4/2022	Đang hoạt động
2	Phòng ĐTĐH	Phòng Đào tạo Đại học	Quyết định số 457/QĐ-ĐHNT	16/5/2017	Đang hoạt động
3	Phòng ĐTSĐH	Phòng Đào tạo Sau Đại học	Quyết định số 457/QĐ-ĐHNT	16/5/2017	Đang hoạt động
4	Phòng ĐBCL&KT	Phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí	Quyết định số 457/QĐ-ĐHNT	16/5/2017	Đang hoạt động
5	Phòng KH&CN	Phòng Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 457/QĐ-ĐHNT	16/5/2017	Đang hoạt động
6	Phòng CTCT&SV	Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên	Quyết định số 457/QĐ-ĐHNT	16/5/2017	Đang hoạt động
7	Phòng HTQT	Phòng Hợp tác Quốc tế	Nghị quyết số 21/NQ-ĐHNT	28/4/2022	Đang hoạt động
8	Phòng TC-NS	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Nghị quyết số 21/NQ-ĐHNT	28/4/2022	Đang hoạt động
9	Phòng TT-PC	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nghị quyết số 28/NQ-ĐHNT	28/4/2022	Đang hoạt động

STT	Tên viết tắt	Tên phòng ban, đơn vị	Số quyết định thành lập	Ngày ra quyết định	Trạng thái hoạt động
10	Phòng KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
11	Phòng HT&CNTT	Phòng Hạ tầng và Công nghệ thông tin	Nghị quyết số 03/NQ-ĐHNT	11/4/2025	Đang hoạt động
12	Khoa CK	Khoa Cơ khí	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
13	Khoa CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	Quyết định số 21-QĐ/TC	17/01/2003	Đang hoạt động
14	Khoa CNTP	Khoa Công nghệ thực phẩm	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
15	Khoa Đ-ĐT	Khoa Điện - Điện tử	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
16	Khoa KT-TC	Khoa Kế toán - Tài chính	Quyết định số 386/QĐ-ĐHNT	08/4/2010	Đang hoạt động
17	Khoa KT	Khoa Kinh tế	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
18	Khoa DL	Khoa Du lịch	Quyết định số 12/QĐ-ĐHNT	05/01/2019	Đang hoạt động
19	Khoa KHXH&NV	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Quyết định số 457/QĐ-ĐHNT	16/05/2017	Đang hoạt động
20	Khoa KTGT	Khoa Kỹ thuật Giao thông	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
21	Khoa NN	Khoa Ngoại ngữ	Quyết định số 1052/QĐ-	10/9/2009	Đang hoạt động

STT	Tên viết tắt	Tên phòng ban, đơn vị	Số quyết định thành lập	Ngày ra quyết định	Trạng thái hoạt động
			ĐHNT		
22	Khoa XD	Khoa Xây dựng	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
23	Viện CNSH&MT	Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường	Quyết định số 1677/QĐ-ĐHNT	18/12/2013	Đang hoạt động
24	Viện KH&CNKTTS	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản	Quyết định số 1152/QĐ-ĐHNT	04/10/2011	Đang hoạt động
25	Viện NTTS	Viện Nuôi trồng thủy sản	Quyết định số 522/QĐ-ĐHNT	10/5/2013	Đang hoạt động
26	Viện NCCTTT	Viện Nghiên cứu Chế tạo Tàu thủy	Quyết định số 638/QĐ-ĐHNT	30/8/2006	Đang hoạt động
27	Trung tâm ĐT&BD	Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng	Quyết định số 664/QĐ-ĐHNT	02/4/2014	Đang hoạt động
28	Trung tâm TN-TH	Trung tâm Thí nghiệm thực hành	Quyết định số 563/QĐ-ĐHNT	09/5/2011	Đang hoạt động
29	Trung tâm PVTH	Trung tâm Phục vụ Trường học	Quyết định số 986/QĐ-ĐHNT	05/9/2011	Đang hoạt động
30	Trung tâm HTVL&KN	Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	Nghị quyết số 21/NQ-ĐHNT	28/4/2022	Đang hoạt động
31	Trung tâm GDQP&AN	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Quyết định số 432/QĐ-ĐHNT	15/02/2017	Đang hoạt động

STT	Tên viết tắt	Tên phòng ban, đơn vị	Số quyết định thành lập	Ngày ra quyết định	Trạng thái hoạt động
32	Trung tâm NC&CBTP	Trung tâm Nghiên cứu và chế biến thực phẩm	Quyết định số 679/QĐ-ĐHNT	19/6/2019	Đang hoạt động
33	Trung tâm NN	Trung tâm Ngoại ngữ	Quyết định số 79/QĐ-ĐHNT	31/01/2018	Đang hoạt động
34	TV	Thư viện	Quyết định số 668/QĐ-ĐHNT	10/08/2006	Đang hoạt động

Ghi chú: Một số đơn vị đã được thành lập từ ngày thành lập Trường, tuy nhiên trong quá trình hoạt động có thay đổi chức năng nhiệm vụ và đổi tên cho phù hợp, Nhà trường thống nhất ghi tên các đơn vị theo Quyết định (hoặc Nghị quyết) về việc thành lập các đơn vị, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị của Trường gần đây và đang còn hiệu lực.

1.7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc: Đã được cập nhật tại website Nhà trường tại <https://ntu.edu.vn/co-cau-to-chuc>

1.8. Các văn bản hướng dẫn khác của Trường Đại học Nha Trang

Văn bản	Tên văn bản
Chiến lược, kế hoạch phát triển	Nghị quyết số 31/NQ-ĐHNT ngày 29/11/2024 của Hội đồng trường ban hành chiến lược phát triển Trường ĐHNT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (cập nhật năm 2024, thay thế Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ngày 06/10/2021)
Quy chế tổ chức và hoạt động	Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang (cập nhật năm 2024, thay thế Nghị quyết 340/ NQ-ĐHNT 24/3/2021)
Quy chế tài chính	Nghị quyết số 39/NQ-ĐHNT ngày 20/9/2022 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tài chính
Quy chế dân chủ	Nghị quyết số 19/NQ-ĐHNT ngày 02/10/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Thực hiện dân chủ của Trường Đại học Nha Trang (thay thế Nghị quyết số 817/NQ-ĐHNT ngày 17/8/2020).
Danh mục vị trí việc làm	Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNT ngày 10/02/2022 của Hội đồng trường ban hành Danh mục vị trí việc làm tại Trường Đại học Nha Trang

Văn bản	Tên văn bản
Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	- Quyết định số 1855/QĐ-ĐHNT ngày 28/11/2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý là Trưởng đơn vị, Phó trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHNT; - Quyết định số 2048/QĐ-ĐHNT ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động của Trường Đại học Nha Trang; - Nghị quyết số 24/NQ-ĐHNT ngày 31/10/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động tại Trường Đại học Nha Trang; - Quyết định số 359/QĐ-ĐHNT ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức và người lao động của Trường ĐHNT; - Quyết định số 626/QĐ-ĐHNT ngày 20/5/2024 của Hiệu trưởng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức người lao động của Trường ĐHNT ban hành kèm theo Quyết định 359/QĐ-ĐHNT ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT; - Quyết định số 360/QĐ-ĐHNT ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng của Trường ĐHNT; - Quyết định số 764/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2024 của Hiệu trưởng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua, khen thưởng của Trường ĐHNT ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-ĐHNT ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT; - Quyết định số 755/QĐ-ĐHNT ngày 06/7/2023 của Hiệu trưởng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ môn; nhiệm vụ, quyền hạn và thủ tục chỉ định Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn, Tổ trưởng, Xưởng trưởng, Trại trưởng tại các đơn vị thuộc Trường ĐHNT
Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	- Nghị quyết số 08/NQ-ĐHNT ngày 16/02/2022 của Hội đồng trường về kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường ĐHNT giai đoạn 2021-2025 về công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định và xếp hạng - Nghị quyết số 31/NQ-ĐHNT ngày 04/7/2022 về chính sách bảo đảm chất lượng

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính và các quy định, quy chế nội bộ

khác của Trường Đại học Nha Trang được công khai và cập nhật trên website Trường ở nội dung Văn bản giới thiệu thuộc mục văn bản- Quy trình, Biểu mẫu tại các website cụ thể các đơn vị tại <https://ntu.edu.vn>.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được công khai tại website ở nội dung Diễn đàn đổi mới PPGD&ĐG: <https://phongdbcl.ntu.edu.vn/dien-%C4%91an-%C4%91oi-moi-ppgd-%C4%91g>.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng được công khai tại website Tuyển dụng của Phòng Tổ chức Nhân sự: <https://phongtchc.ntu.edu.vn/tuyen-dung>.

II. ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC GIẢNG VIÊN, VIÊN CHỨC QUẢN LÝ VÀ VIÊN CHỨC KHÔNG CHỨC VỤ QUẢN LÝ

2.1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	36,81	34,72
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	99,78%	99,78%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	40,36%	38,90%

2.2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	448	13	255	146	32	2
1.1	Nhân văn	25,3	0,0	18,0	7,3	0,0	0,0
1.2	Khoa học xã hội và hành vi	19,7	0,0	7,9	10,6	1,2	0,0
1.3	Kinh doanh và quản lý	132,4	1,8	85,3	34,8	10,5	0,0
1.4	Pháp luật	13,5	2,0	6,7	4,1	0,0	0,7
1.5	Khoa học sự sống	4,2	0,0	2,7	1,2	0,3	0,0
1.6	Máy tính và công nghệ thông tin	37,5	1,0	23,0	12,0	1,5	0,0
1.7	Công nghệ kỹ thuật	3,3	0,0	1,0	1,1	1,2	0,0
1.8	Kỹ thuật	96,5	5,3	42,4	42,4	6,4	0,0
1.9	Sản xuất và chế biến	23,5	1,7	11,1	7,1	2,9	0,7
1.10	Kiến trúc và xây dựng	21,6	1,0	14,6	4,0	2,0	0,0
1.11	Nông lâm nghiệp và thủy sản	24,1	0,0	14,1	7,5	2,2	0,3

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1.12	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	34,5	0,0	21,9	9,2	3,1	0,3
1.13	Dịch vụ, vận tải	11,8	0,2	6,3	4,6	0,7	0,0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	447	13	255	146	31	2
1.1	Nhân văn	25,3	0,0	18,0	7,3	0,0	0,0
1.2	Khoa học xã hội và hành vi	19,7	0,0	7,9	10,6	1,2	0,0
1.3	Kinh doanh và quản lý	132,2	1,8	85,3	34,8	10,3	0,0
1.4	Pháp luật	13,5	2,0	6,7	4,1	0,0	0,7
1.5	Khoa học sự sống	4,2	0,0	2,7	1,2	0,3	0,0
1.6	Máy tính và công nghệ thông tin	37,5	1,0	23,0	12,0	1,5	0,0
1.7	Công nghệ kỹ thuật	3,3	0,0	1,0	1,1	1,2	0,0
1.8	Kỹ thuật	96,4	5,3	42,4	42,4	6,3	0,0
1.9	Sản xuất và chế biến	23,5	1,7	11,1	7,1	2,9	0,7
1.10	Kiến trúc và xây dựng	21,6	1,0	14,6	4,0	2,0	0,0
1.11	Nông lâm nghiệp và thủy sản	24,1	0,0	14,1	7,5	2,2	0,3
1.12	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	33,8	0,0	21,9	9,2	2,4	0,3
1.13	Dịch vụ, vận tải	11,8	0,2	6,3	4,6	0,7	0,0

2.3. Thống kê đội ngũ viên chức quản lý và viên chức hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số viên chức quản lý hành chính và hỗ trợ	18	15
2	Số viên chức hành chính và hỗ trợ	192	186
3	Tỷ lệ viên chức quản lý và viên chức hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	46,88% (210/448)	44,18% (201/455)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

3.1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	30,52	30,89
2	Diện tích sàn/người học (m2)	2,91	2,84
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	72,9%	77,03%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	3046,82	2834,45
5	Số bản sách/người học	349,6	312,5
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	52,58%	52,58%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	126,3	100

3.2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	172.707,1	56.093
2	Trung tâm GDQP	Thôn Đồng Cau, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	60.600,9	3.300
3	Cơ sở thực nghiệm NTTS nước ngọt Ninh Phụng và nghiên cứu công nghệ chế biến thực phẩm	Xã Ninh Phụng, TX.Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	67.209	3.733
4	Trại NTTS nước mặn Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Đông, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	209.937	7.308
5	Viện Nghiên cứu chế tạo Tàu thủy	Thôn Hòn Rớ I, xã Phước Đồng, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	4.976,02	4.409
Tổng cộng			515.430,02	74.843

3.3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà	Không có	Không có
2	Nâng cấp tòa nhà		
2.1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, nhà kho, tường rào, đường bê tông, mương bê tông trại thực nghiệm NTTS Ninh Phụng	Xã Ninh Phụng, TX.Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	1.623.050
2.2	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên TT nghiên cứu giống & Dịch bệnh thủy sản (Giai đoạn 1)	Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	249.954
2.3	Xây mới tường rào phía Đông và mở cổng, đường bê tông phía Nam trại thực nghiệm NTTS nước ngọt Ninh Phụng - Trường ĐH Nha Trang	Xã Ninh Phụng, TX.Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	810.407
2.4	Sơn tường phòng họp số 4 và nhà truyền thống	Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	94.507
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	Không có	Không có
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm	Không có	Không có
Tổng cộng			2.777.918.000

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục, ĐH Quốc gia TP.HCM (VNU HCM CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 31 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 7 năm 2028.

Các lần kiểm định giáo dục đã được đánh giá, cụ thể:

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường ĐHNT	Lần 1: 2007	Đạt	Hội đồng quốc gia KĐCL công nhận là một trong 20 trường ĐH đầu tiên đạt chuẩn KĐCLGD	Đạt		
2	Trường ĐHNT	Lần 2: 2017	83,6%	02/NQ-HĐKĐCLGD ngày 12/02/2018	Đạt	16/03/2018	16/03/2023
3	Trường ĐHNT	Lần 3: 2023	Đạt	108/QĐ-TTKĐ ngày 31/07/2023	Đạt	31/07/2023	31/07/2028

4.2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
4	Ngành Kỹ thuật tàu thủy	04/2020	Đạt	12/QĐ-TTKĐ ngày 27/04/2020	Đạt	27/04/2020	27/04/2025
5	Ngành Công nghệ CBTS	04/2020	Đạt	13/QĐ-TTKĐ ngày 27/04/2020	Đạt	27/04/2020	27/04/2025
6	Ngành Công nghệ sinh học	01/2022	Đạt	49/QĐ-TTKĐ ngày 15/05/2022	Đạt	16/05/2022	16/05/2027
7	Ngành Nuôi	01/2022	Đạt	50/QĐ-	Đạt	16/05/2022	16/05/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
	trồng thủy sản			TTKD ngày 15/05/2022			
8	Ngành Quản trị kinh doanh	10/2022	Đạt	200/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023	Đạt	28/04/2023	28/04/2028
9	Ngành Kế toán	10/2022	Đạt	201/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023	Đạt	28/04/2023	28/04/2028
10	Ngành Công nghệ thông tin	10/2022	Đạt	202/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023	Đạt	28/04/2023	28/04/2028
11	Ngành Quản trị khách sạn	10/2022	Đạt	203/QĐ-KĐCLGDTL ngày 28/04/2023	Đạt	28/04/2023	28/04/2028
12	Ngành Công nghệ thực phẩm	05/2024	Đạt	355/QĐ-CEA.UD ngày 05/9/2024	Đạt	05/09/2024	05/09/2029
13	Ngành Quản lý thủy sản	05/2024	Đạt	354/QĐ-CEA.UD ngày 05/9/2024	Đạt	05/09/2024	05/09/2029
14	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	05/2024	Đạt	356/QĐ-CEA.UD ngày 05/9/2024	Đạt	05/09/2024	05/09/2029
15	Kỹ thuật cơ	09/2024	Đạt	995/QĐ-	Đạt	19/12/2024	18/12/2029

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
	khí			KĐCLGDTL ngày 19/12/2024			
16	Kỹ thuật ô tô	09/2024	Đạt	996/QĐ-KĐCLGDTL ngày 19/12/2024	Đạt	19/12/2024	18/12/2029
17	Kỹ thuật xây dựng	09/2024	Đạt	997/QĐ-KĐCLGDTL ngày 19/12/2024	Đạt	19/12/2024	18/12/2029
18	Kinh doanh thương mại	09/2024	Đạt	998/QĐ-KĐCLGDTL ngày 19/12/2024	Đạt	19/12/2024	18/12/2029
19	Tài chính ngân hàng	09/2024	Đạt	999/QĐ-KĐCLGDTL ngày 19/12/2024	Đạt	19/12/2024	18/12/2029
20	Ngôn ngữ Anh	09/2024	Đạt	1000/QĐ-KĐCLGDTL ngày 19/12/2024	Đạt	19/12/2024	18/12/2029
21	Kỹ thuật điện	09/2024	Đạt	265/QĐ-KĐCLGDTL ngày 24/03/2025	Đạt	24/03/2025	23/03/2030
22	Khoa học hàng hải	01/2025	Đạt	60/QĐ-TTKĐ ngày 28/4/2025	Đạt	28/4/2025	27/4/2030
23	Kỹ thuật cơ	01/2025	Đạt	61/QĐ-	Đạt	28/4/2025	27/4/2030

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
	điện tử			TTKĐ ngày 28/4/2025			
24	Kỹ thuật nhiệt	01/2025	Đạt	62/QĐ- TTKĐ ngày 28/4/2025	Đạt	28/4/2025	27/4/2030
25	Marketing	01/2025	Đạt	63/QĐ- TTKĐ ngày 28/4/2025	Đạt	28/4/2025	27/4/2030
26	Kinh tế phát triển	01/2025	Đạt	64/QĐ- TTKĐ ngày 28/4/2025	Đạt	28/4/2025	27/4/2030
27	Luật	01/2025	Đạt	65/QĐ- TTKĐ ngày 28/4/2025	Đạt	28/4/2025	27/4/2030
28	Hệ thống thông tin quản lý	01/2025	Đạt	66/QĐ- TTKĐ ngày 28/4/2025	Đạt	28/4/2025	27/4/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

5.1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	86,2%	96,6%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	33%	22,54%
3	Tỷ lệ thôi học	3,75	6,46%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	1,73%	0,48%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	76,5%	60,4%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	61,2%	55,4%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	93,7%	90,29%

8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	89%	90,52%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	73,6%	39,06%

5.2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	15.485	5.339	2.604	
1.1	Vừa làm vừa học	1.310	871	658	
1.2	Chính quy	14.175	4.468	1.946	92,54
1	Lĩnh vực 3 (Kinh doanh quản lý)	4.519	1.146	810	-
2	Lĩnh vực 4 (Pháp luật)	497	163	64	88,64
3	Lĩnh vực 5 (Khoa học sự sống)	120	63	23	83,33
4	Lĩnh vực 8 (Máy tính và CNTT)	1.151	271	78	80,49
5	Lĩnh vực 10 (Kỹ thuật)	2.288	1.113	205	83,06
6	Lĩnh vực 11 (Sản xuất và chế biến)	653	228	96	95,61
7	Lĩnh vực 12 (Kiến trúc và xây dựng)	498	165	44	78,89
8	Lĩnh vực 13 (Nông lâm nghiệp và thủy sản)	658	154	66	88,78
9	Lĩnh vực 16 (Nhân văn)	967	258	165	-
10	Lĩnh vực 17 (Khoa học xã hội và hành vi)	669	237	80	86,51
11	Lĩnh vực 20 (Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân)	1.511	541	308	97,87
12	Lĩnh vực 21 (Dịch vụ vận tải)	386	129	7	-
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	520	160	102	-
1	Khối ngành I	-	-	-	
2	Khối ngành II	-	-	-	
3	Khối ngành III	173	62	43	
4	Khối ngành IV	37	13	3	
5	Khối ngành V	100	48	24	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
6	Khối ngành VI	-	-	-	
7	Khối ngành VII	160	37	32	
III	Tiến sĩ	49	18	2	
1	Khối ngành I	-	-	-	
2	Khối ngành II	-	-	-	
3	Khối ngành III	22	10	-	
4	Khối ngành IV	8	2	-	
5	Khối ngành V	19	6	2	
6	Khối ngành VI	-	-	-	
7	Khối ngành VII	-	-	-	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

6.1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	7,8%	14,43%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,81	0,76
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,5	0,36

6.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Tổng số đề tài thực hiện trong năm 2024	Kinh phí thực hiện trong năm 2024
1	Đề tài cấp Nhà nước	9	1,761
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	28	6,323
3	Đề tài cấp cơ sở	82	1,660
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	2	1,500
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	0,623
Tổng số		122	11,867

6.3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus	208	202
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	148	114
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	0	4
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	1	2
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	1	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

7.1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	17,17%	15,11%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	8,96%	1,35%

7.2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	320,57	262,27
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	35,75	38,01
II	Thu giáo dục và đào tạo	268,92	213,05
1	Học phí, lệ phí từ người học	229,77	184,62
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	39,15	28,426
III	Thu khoa học và công nghệ	15,9	11,22
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	3,55	3,06
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	5,56	1,39
3	Thu khác	6,79	6,77

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	0
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	252,53	217,48
I	Chi lương, thu nhập	75,37	61,76
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	58,07	53,6
2	Chi lương, thu nhập cho viên chức khác	17,3	8,16
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	141,87	125,64
1	Chi cho đào tạo	105,46	93,28
2	Chi cho nghiên cứu	9,11	4,45
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0	0
4	Chi phí chung và chi khác	27,3	27,91
III	Chi hỗ trợ người học	28,5	23,317
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	17,54	14,35
2	Chi hoạt động nghiên cứu	10,96	8,97
3	Chi hoạt động khác	0	0
IV	Chi khác	6,79	6,77
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	68,04	44,79

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

8.1. Xây dựng và triển khai Đề án Nhà trường

Nhà trường đã hoàn tất báo cáo sơ kết Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, bao gồm các lĩnh vực: đảm bảo chất lượng, đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, chuyển đổi số, và phát triển đội ngũ. Hội nghị sơ kết và kế hoạch phát triển đội ngũ đến 2030 đã được tổ chức.

Về tự chủ, Nhà trường đã rà soát điều kiện tự chủ đại học, xác định lộ trình chuyển từ nhóm 3 lên nhóm 2 về tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2027. Ngày 14/11/2023, Hội Đồng Trường ban hành Nghị quyết về tái cấu trúc bộ máy và Ban xây dựng đã hoàn thiện đề án tự chủ 2023-2025, phương hướng 2030. Ngày 27/12/2023, Nhà trường gửi công văn trình Bộ GD&ĐT phê duyệt đề án tự chủ và sẽ ban hành triển khai sau khi nhận phản hồi.

8.2. Công tác chuyển đổi số

Trong năm học 2023-2024, công tác chuyển đổi số của Nhà trường đã đạt được một số kết quả nổi bật. Trên cơ sở kế hoạch thực hiện Nghị quyết 19/NQ-ĐHNT và nội dung kế

hoạch số 921/KH-ĐHNT, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra. Cụ thể, các phần mềm hỗ trợ quản lý đào tạo, định mức kinh tế kỹ thuật, kiểm định chất lượng giáo dục đã được xây dựng và hoàn thành đúng tiến độ. Ngoài ra, kênh thanh toán học phí qua QR Code và các tính năng mới trong phần mềm quản lý đào tạo đã được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu của cán bộ và sinh viên. Hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu tuyển sinh cũng được hoàn thiện và đi vào sử dụng hiệu quả. Đồng thời, các công cụ hỗ trợ quản lý như dashboard và hệ thống phần mềm quản lý cấp thuốc đã được triển khai và nâng cấp, góp phần chuẩn hóa các chỉ tiêu số hóa trong quản lý và vận hành Nhà trường.

Nhà trường đã triển khai hiệu quả phần mềm quản lý hành chính điện tử kết nối liên thông giữa các đơn vị trong cơ sở giáo dục, kết quả là 100% văn bản được gửi liên thông giữa Nhà trường và Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, Nhà trường đang sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử E-office của tỉnh Khánh Hòa để kết nối giữa các sở, ban ngành và cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong việc nhận văn bản đến và gửi văn bản đi. Nhà trường cũng đang phối hợp với VNPT vận hành hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên môi trường số và thực hiện ký số văn bản. 100% CBVC, NLĐ và sinh viên Nhà trường sử dụng hộp thư điện tử có tên miền **ntu.edu.vn** để tiếp nhận thông tin cũng như trao đổi công việc.

Thực hiện đầy đủ và đúng hạn báo cáo thống kê giáo dục định kỳ trên hệ thống báo cáo của phần mềm HEMIS.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện bộ công cụ quản lý gồm phần mềm quản lý nhân sự, quản lý văn bản đi đến và tra cứu văn bản, quản lý báo cáo công tác tháng, lịch phòng họp, lịch sử dụng xe, quản lý minh chứng trong kiểm định, website Nhà trường

Nhà trường đã ban hành Ban hành Danh mục công tác chuyển đổi số Trường Đại học Nha Trang đến năm 2025 (Quyết định số 1810/QĐ-ĐHNT ngày 15/11/2024 của Hiệu trưởng) làm cơ sở để triển khai, đánh giá công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số của Trường.

Những kết quả này thể hiện sự tiến bộ và cam kết mạnh mẽ trong việc thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời đại công nghệ.

8.3. Công tác tuyển sinh và đổi mới hoạt động dạy và học và kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR; đánh giá và cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo đặc biệt

Nhà trường đã hoàn thành và triển khai nhiều nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tuyển sinh và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ và phù hợp với chương trình phổ thông 2018. Cụ thể, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh từ năm 2025, đảm bảo phù hợp với nội dung và cấu trúc của chương trình GDPT 2018, đồng thời thành lập hội đồng và các tổ nghiên cứu để thực hiện đúng tiến độ. Bên cạnh đó, các phương hướng tuyển sinh và đề án tuyển sinh năm học 2023-2024 đã được triển khai đúng tiến độ, bao gồm ban hành thông báo tuyển sinh, xây dựng đề án tuyển sinh đại học và sau đại học, cũng như triển khai các hình thức xét tuyển phù hợp, đảm bảo tuân thủ quy chế của Bộ GD&ĐT. Nhà trường cũng đã thành lập tổ sinh viên tư vấn tuyển sinh năm 2024 và đẩy mạnh công tác tư vấn hướng

nghiệp, quảng bá tuyển sinh thông qua các hình thức mới, ứng dụng công nghệ, đảm bảo tính hiệu quả trong cả năm học.

Trường cũng đã hoàn thiện phương án đánh giá chuẩn đầu ra (CDR) cấp chương trình đào tạo (CTĐT) và xây dựng văn bản hướng dẫn sử dụng các phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá đáp ứng CDR. Đồng thời, các hội thảo cấp trường về cải tiến hoạt động dạy học đã được tổ chức nhằm tăng cường sự tham gia của sinh viên và giảng viên, đặc biệt tập trung vào kỹ năng thực hành, nâng cao chất lượng học phần và hoàn thiện nội dung kiểm tra, đánh giá học phần. Kế hoạch rà soát, cải tiến hoạt động dạy học giai đoạn 2023-2024 cũng được xây dựng và thực hiện, với mục tiêu xác định 300 học phần cần cải tiến, đảm bảo nội dung dạy học phù hợp với CDR. Nhà trường cũng đã tổ chức các hội nghị tập huấn toàn trường để đánh giá hiệu quả triển khai, ghi nhận kết quả tích cực với sự tham gia của 45 đơn vị học thuật và 11 đơn vị khác.

Trên cơ sở đánh giá tổng kết công tác tổ chức và vận hành các chương trình đặc biệt, Nhà trường đã tổ chức hội nghị ngày 14/11/2023 để thảo luận các giải pháp nâng cao hiệu quả. Trường cũng đã ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo đặc biệt giai đoạn 2024-2025, tập trung vào đầu tư cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị thực hành và học liệu nhằm cải thiện điều kiện giảng dạy và học tập. Theo kế hoạch số 88/KH-ĐHNT ngày 26/01/2024, Nhà trường đã tích cực triển khai các hội thảo luận giải pháp và chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện, đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo đặc biệt được nâng cao rõ rệt.

8.4. Xây dựng kế hoạch cải tiến Nhà trường giai đoạn 2023-2028 và tham gia xếp hạng

Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã triển khai đồng bộ các kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động quản lý. Công tác xây dựng, hoàn thiện và đánh giá các CTĐT được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn đầu ra, thông qua các hội thảo, tập huấn và rà soát hoạt động dạy học. Đặc biệt, Nhà trường đã ban hành các hướng dẫn, phương án đánh giá người học đạt CDR, đồng thời tổ chức các hội đồng để giám sát và cải tiến CTĐT theo đúng kế hoạch đề ra. Song song với đó, các chương trình đào tạo đặc biệt cũng được đánh giá tổng kết và xây dựng định hướng phát triển giai đoạn mới, với sự đầu tư vào cơ sở vật chất và nguồn lực phục vụ học tập. Ngoài ra, nhà trường đã thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 2023–2028, hướng tới việc tham gia xếp hạng UPM, đạt được các kết quả tích cực và hoàn thiện dữ liệu phục vụ việc đánh giá và xếp hạng. Đối với bảng xếp hạng Webometrics, nhà trường vẫn đang tiếp tục xây dựng giải pháp cải thiện vị trí xếp hạng, nhằm đạt được mục tiêu tăng thứ hạng trong thời gian tới. Các nhiệm vụ trọng tâm đã được thực hiện đúng tiến độ, mang lại nhiều kết quả tích cực, nhưng vẫn cần nỗ lực hơn nữa để nâng cao chất lượng tổng thể và hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

8.5. Xác định và triển khai hợp tác với đối tác quốc tế chiến lược

Năm học 2023-2024, Nhà trường đã rà soát toàn bộ các đối tác quốc tế hiện có qua đó xác định đối tác chiến lược của Trường, trọng tâm là hợp tác toàn diện trong lĩnh vực khoa

học công nghệ biển và thủy sản.

Sau thời gian đàm phán và tháng 5/2024, Trường Đại học Nha Trang và Đại học Quốc lập Hải dương Đài Loan đã ký kết thỏa thuận hợp tác và xây dựng chương trình hành động cụ thể cho giai đoạn 2024-2029. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã thảo luận với Đại học Quốc lập Khoa học và Công nghệ Cao Hùng Đài Loan để tiến hành các hợp tác cụ thể, tiến tới thiết lập thỏa thuận hợp tác chiến lược.

Triển khai bản thỏa thuận này, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai hợp tác chiến lược với các đối tác Đài Loan (kế hoạch số 780/KH-ĐHNT ngày 27/8/2024) để tiến hành các công việc cụ thể.

8.6. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

Nhà trường đã triển khai kế hoạch sửa chữa và bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong đó, việc cải tạo Nhà A1 đã được đánh giá hiện trạng và lập báo cáo hoàn chỉnh, chuẩn bị cho công tác lấy ý kiến và triển khai thực hiện vào năm 2024. Các quy định và định mức về kỹ thuật thiết bị, vật tư và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đã được ban hành, hoàn thiện và cập nhật đầy đủ dữ liệu.

Bên cạnh đó, Hội đồng trường đã phê duyệt nhiều gói đầu tư quan trọng cho các khoa, viện đào tạo và các trung tâm thí nghiệm thực hành, nhằm nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu. Các gói đầu tư bao gồm việc mua sắm, lắp đặt các thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng học thông minh và các không gian học thuật đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, Trường cũng đã thực hiện bổ sung các trang thiết bị hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học khác như hệ thống máy tính, thiết bị đo lường, công cụ nghiên cứu chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của giảng viên và sinh viên. Các thiết bị này không chỉ phục vụ công tác giảng dạy mà còn hỗ trợ triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, và các dự án ứng dụng công nghệ cao.

Việc đầu tư đồng bộ và liên tục vào cơ sở vật chất và thiết bị không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng uy tín và vị thế của Trường Đại học Nha Trang trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và khu vực.

8.7. Tăng cường công tác truyền thông gắn với kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống của Trường và hoàn thiện chính sách Phục vụ cộng đồng

Nhà trường đã triển khai hiệu quả kế hoạch truyền thông quảng bá năm học 2023-2024 với nhiều nội dung phong phú, như phát triển trang web, phối hợp truyền thông với các đơn vị và xây dựng các sản phẩm quảng bá thương hiệu. Các hoạt động truyền thông nhân dịp kỷ niệm 65 năm Ngày truyền thống được tổ chức bài bản, đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của nhà trường. Đặc biệt, tọa đàm “65 năm Trường Đại học Nha Trang: Khát vọng vươn khơi” đã diễn ra thành công, tạo dấu ấn sâu sắc trong cộng đồng.

Song song, hệ thống chính sách phục vụ cộng đồng (PVCD) đã được rà soát, bổ sung

và hoàn thiện. Chính sách PVCD và gắn kết đã được HĐQT ban hành vào ngày 26/6/2024, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả.

